

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BƯU ĐIỆN

270 Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Võ Thị Thanh Hương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2025
Ông Ngô Xuân Trường	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2025
Bà Lê Thanh Hương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2025
Ông Phan Thắng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2025
Ông Đoàn Minh Đôn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2025
Ông Trần Xuân Hòa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2025
Ông Hoàng Tùng Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Lê Thanh Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 06 năm 2025 (Miễn nhiệm Chức vụ Phó Giám đốc cùng ngày)
Ông Phan Thắng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 06 năm 2025
Ông Trần Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Tinh	Phó Tổng Giám đốc	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nông	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Trưởng ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2025
Ông Nguyễn Khánh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2025
Ông Nguyễn Việt Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2025
Bà Nguyễn Hương Huỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2025
Ông Nguyễn Văn Tấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2025

Người đại diện theo pháp luật

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Lê Thanh Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2025
Ông Phan Thắng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Công ty đã hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 23 tháng 12 năm 2003, tuy nhiên cho đến nay Công ty vẫn chưa nhận được Biên bản bàn giao chính thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần. Công ty đang tạm ghi nhận số liệu theo sổ sách tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần.



Nguyễn Ngọc Thạch
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số 1822-2023-156-1

Phạm Hoàng Việt
Kiểm toán viên
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số 4924-2024-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

500
CỔ
CÁ
VÀ
C
PH

1107 C 4 8 4 5 4 10 11

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.732.869.141	124.562.538.632
I. Tiền	110	4	4.564.335.074	11.374.162.882
1. Tiền	111		4.564.335.074	11.374.162.882
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.860.226.497	109.114.724.579
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	39.032.878.671	88.142.611.265
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2.147.375.792	2.644.292.580
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	13.956.990.258	19.604.838.958
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.277.018.224)	(1.277.018.224)
III. Hàng tồn kho	140		25.127.604.144	4.013.286.723
1. Hàng tồn kho	141	9	25.144.667.609	4.030.350.188
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	9	(17.063.465)	(17.063.465)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.180.703.426	60.364.448
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.691.663	17.013.293
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.154.918.611	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	11.093.152	43.351.155
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.232.872.643	6.494.138.737
I. Tài sản cố định	220		1.742.333.640	4.100.034.085
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.742.333.640	4.100.034.085
- Nguyên giá	222		34.187.545.446	34.117.545.446
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.445.211.806)	(30.017.511.361)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	2.058.000.000	2.058.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.058.000.000	3.058.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		432.539.003	336.104.652
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		234.698.571	138.264.220
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	197.840.432	197.840.432
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		88.965.741.784	131.056.677.369

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		50.856.841.619	90.710.386.638
I. Nợ ngắn hạn	310		50.856.841.619	90.710.386.638
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	13.464.745.414	58.467.396.988
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		447.303.116	1.223.613.842
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	599.671.235	6.034.152.919
4. Phải trả người lao động	314		507.994.685	444.256.902
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.749.700	129.876.449
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15	5.921.655.141	700.400.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	4.776.493.289	10.696.519.600
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	25.043.503.809	12.962.385.460
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		18.298.500	18.298.500
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		71.426.730	33.485.978
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		38.108.900.165	40.346.290.731
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	38.108.900.165	40.346.290.731
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.000.000.000	18.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.791.658.854	19.791.658.854
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		197.116.026	197.116.026
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		120.125.285	2.357.515.851
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		71.415.851	69.648.934
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		48.709.434	2.287.866.917
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		88.965.741.784	131.056.677.369



Lê Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Thanh Hiền
Kế toán trưởng / Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	100.642.599.248	181.014.426.894
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01)	10	21	100.642.599.248	181.014.426.894
3. Giá vốn hàng bán	11	22	82.503.057.004	158.800.177.564
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		18.139.542.244	22.214.249.330
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	401.309.237	515.634.312
6. Chi phí tài chính	22	25	704.818.793	731.305.003
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		704.818.793	631.885.314
7. Chi phí bán hàng	25	26	9.498.324.193	11.431.079.375
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	7.434.050.587	6.774.653.356
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		903.657.908	3.792.845.906
10. Thu nhập khác	31		102.628.078	16.017.314
11. Chi phí khác	32	27	706.924.363	781.264.583
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(604.296.285)	(765.247.269)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		299.361.623	3.027.598.637
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	250.652.189	739.731.720
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		48.709.434	2.287.866.917
16. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	27	1.119



Lê Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Thanh Hiền
Kế toán trưởng / Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	163.194.881.446	177.344.979.566
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(135.655.492.185)	(138.465.135.467)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.646.358.301)	(10.556.147.289)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(639.985.938)	(611.166.315)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(692.051.800)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	163.465.397.157	135.873.106.495
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(199.410.731.639)	(161.731.035.574)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(16.384.341.260)	1.854.601.416
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(70.000.000)	(712.250.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	259.806.055	563.620.588
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(810.193.945)	2.351.370.588
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	47.975.148.217	37.091.995.642
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(35.894.029.868)	(34.036.248.862)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.698.533.134)	(201.571.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.382.585.215	2.854.175.005
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(6.811.949.990)	7.060.147.009
Tiền đầu năm	60	11.374.162.882	4.308.096.902
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.122.182	5.918.971
Tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	4.564.335.074	11.374.162.882



Lê Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Thanh Hiền
Kế toán trưởng / Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Vật tư Bưu điện 2 theo Quyết định số 344/QĐ-BBCVT ngày 9 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0300464683 (số cũ 4103001997) đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 37 người (ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 42 người).

Ngành nghề kinh doanh

- Xuất khẩu, nhập khẩu trực tiếp thiết bị, vật tư bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện tử và tin học;
- Mua bán các loại vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học, phát thanh, truyền hình sản xuất trong nước và nhập khẩu;
- Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện tử và tin học;
- Tư vấn kỹ thuật về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành bưu chính, viễn thông;
- Cung cấp dịch vụ, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, hướng dẫn vận hành thiết bị, vật tư do công ty cung cấp hoặc theo yêu cầu của khách hàng;
- Cho thuê máy móc thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Cung cấp dịch vụ: internet (ISP), kết nối internet (IXP), ứng dụng internet (OIP);
- Sản xuất, lắp ráp vật tư thiết bị ngành bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Dịch vụ khai thuê hải quan, giao nhận, vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Dịch vụ giữ xe;
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi, ki-ốt;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất và gia công phần mềm.

Hoạt động chính của Công ty là

- Mua bán các loại vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học, phát thanh, truyền hình sản xuất trong nước và nhập khẩu;
- Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện tử và tin học;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, giao nhận, vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Dịch vụ giữ xe;
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi, ki-ốt;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh miền Nam Công ty Cổ phần Vật tư Bưu Điện, địa chỉ tại 127/43 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hướng dẫn kế toán mới đã ban hành nhưng chưa áp dụng

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Khả năng hoạt động liên tục

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Công ty, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua chủ trương sáp nhập Công ty vào Công ty Cổ phần Cokyvina, tuy nhiên theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, việc sáp nhập này vẫn đang trong giai đoạn triển khai thủ tục và chưa chắc chắn sẽ hoàn tất sáp nhập trong tối thiểu 12 tháng sắp tới kể từ ngày kết thúc năm tài chính, do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vẫn được lập theo giả định hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,*
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a,b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, vay và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm các khoản chi phí liên quan đến chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả bao gồm dự phòng bảo hành sản phẩm. Thời gian bảo hành từ 01 năm đến 12 năm. Công ty trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm theo tỷ lệ 5% giá bán trên hợp đồng mua bán hàng hóa.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

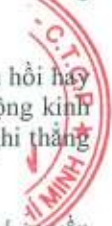
Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



22/12/14
14/11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan của Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cokyvina	Cùng tập đoàn
Trung tâm Hạ tầng mạng Miền Nam – Chi nhánh Tổng Công ty Hạ tầng mạng	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện - Chi nhánh miền Nam	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Các hệ thống Viễn thông VNPT - NEC	Cùng tập đoàn
BQLDA Các Công trình Viễn thông tin học	Cùng tập đoàn
Tổng Công ty Hạ tầng Mạng VNPT - Net	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	Cùng tập đoàn
Công ty Công nghệ Thông tin VNPT - Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Cấp quang	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị Viễn thông	Cùng tập đoàn
Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH) - Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng tập đoàn
Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông	Cùng tập đoàn
Viễn thông Cần Thơ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Chi nhánh Công ty TNHH)	Cùng tập đoàn
Viễn thông Đắk Lắk - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Chi nhánh Công ty TNHH)	Cùng tập đoàn
Viễn thông Hà Nội - Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cùng tập đoàn
Viễn thông Long An - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Chi nhánh Công ty TNHH)	Cùng tập đoàn
Viễn thông một số tỉnh thành	Cùng tập đoàn
Bưu điện một số tỉnh thành	Cùng tập đoàn
Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	Thành viên chủ chốt

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	106.937.679	11.144.273
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.457.397.395	11.363.018.609
Cộng	4.564.335.074	11.374.162.882

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	26.661.081.251	73.588.322.055
Viễn thông Tây Ninh – Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH)	10.702.102.009	1.325.361.076
Tổng Công ty Hạ tầng mạng	8.096.076.759	8.767.551.969
Viễn thông Đắk Lắk – Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Chi nhánh Công ty TNHH)	3.519.726.907	4.151.834.360
Trung tâm Hạ tầng mạng Miền Nam – Chi nhánh Tổng Công ty Hạ tầng mạng	1.784.313.023	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	1.723.550.400	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	421.634.057	-
Viễn thông Bình Dương	394.216.323	394.216.323
Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH) – Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh	11.477.473	16.378.714.478
Trung tâm Viễn thông Ninh Hải – Thuận Bắc	7.984.300	7.984.300
Công ty Cổ phần Cokyvina	-	22.763.337.120
Viễn thông Cần Thơ – Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Chi nhánh Công ty TNHH)	-	13.089.638.102
Công ty Công nghệ Thông tin VNPT – Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	-	3.573.015.699
Viễn thông Yên Bái	-	1.148.364.000
Viễn thông Khánh Hòa	-	1.007.428.133
Viễn thông Hà Nội – Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	-	949.219.071
Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông	-	31.657.424
b) Phải thu của khách hàng là các đối tượng khác (i)	12.371.797.420	14.554.289.210
Cộng	39.032.878.671	88.142.611.265

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 không có đối tượng công nợ nào có số dư lớn hơn 10% tổng số dư công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Một số khoản phải thu khách hàng được dùng để bảo lãnh cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội (xem thuyết minh số 17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Điện Năng lượng Mặt trời Hạnh Solar	1.279.552.620	1.279.552.620
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Vật liệu Bưu điện - Xi nghiệp Bê tông điện II	-	297.561.600
Công ty TNHH Quốc tế TAT	289.797.000	289.797.000
Các đối tượng khác	578.026.172	777.381.360
Cộng	2.147.375.792	2.644.292.580

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	13.210.908	267.714.552
Lãi dự thu	173.616.439	34.364.384
Tạm ứng nhân viên	3.883.258.020	5.478.149.823
Ký cược, ký quỹ (i)	9.655.000.000	13.711.887.862
Phải thu khác	231.904.891	112.722.337
Cộng	13.956.990.258	19.604.838.958

- (i) Đây là khoản ký quỹ tại các ngân hàng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu và đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội (xem thuyết minh số 17).

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Viễn thông Bình Dương - Bên liên quan	394.216.323	-	394.216.323	-
Công ty TNHH Kiểm Liên Hưng	175.182.348	-	175.182.348	-
Công ty TNHH DV Kỹ thuật Điện Lộc Phát	287.174.510	-	287.174.510	-
Công ty TNHH Quốc tế TAT	289.797.000	-	289.797.000	-
Các đối tượng khác	130.648.043	-	130.648.043	-
Cộng	1.277.018.224	-	1.277.018.224	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.788.334.865	-	502.109.372	-
Hàng hóa	3.356.332.744	17.063.465	3.528.240.816	17.063.465
Cộng	25.144.667.609	17.063.465	4.030.350.188	17.063.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
	VND	trong năm	trong năm	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	9.833.151	-	-	9.833.151
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1	1
Các loại thuế khác	4.000.000	8.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	29.518.004	29.518.004	1.260.000	1.260.000
Cộng	43.351.155	37.518.004	5.260.001	11.093.152
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	1.011.529.606	3.475.438.724	4.249.487.784	237.480.546
Thuế thu nhập doanh nghiệp	692.051.800	250.652.189	692.051.800	250.652.189
Thuế thu nhập cá nhân	57.534.616	107.479.199	53.475.315	111.538.500
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	4.273.036.897	18.418.924.060	22.691.960.957	
Thuế nhà thầu	-	21.667.640.064	21.667.640.064	
Cộng	6.034.152.919	43.920.134.236	49.354.615.920	599.671.235

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Cadico (i)	1.078.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Nhật (ii)	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	980.000.000	-	-	-
Cộng	3.058.000.000	-	(1.000.000.000)	-

(*) Giá trị hợp lý:

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi số.

(i) Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cadico có lãi lũy kế.

(ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Nhật lỗ liên tục qua các năm. Công ty thực hiện trích dự phòng 100% đối với các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	197.840.432	197.840.432
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	197.840.432	197.840.432

Chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của khoản mục tiền.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số có khả năng</u>		<u>Số có khả năng</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>trả nợ</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán là các bên liên quan	6.937.952	6.937.952	3.046.890.670	3.046.890.670
Công ty Cổ phần Cokyvina	6.937.952	6.937.952	414.202.038	414.202.038
Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện - Chi nhánh miền Nam	-	-	2.630.877.627	2.630.877.627
Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	-	-	1.811.005	1.811.005
b) Phải trả người bán ngắn hạn là các đối tượng khác	13.457.807.462	13.457.807.462	55.420.506.318	55.420.506.318
Công ty TNHH Công nghệ Xanh KNP	4.537.465.767	4.537.465.767	281.764.875	281.764.875
Công ty TNHH Đầu tư Logistics Minh Thư	3.560.103.636	3.560.103.636	-	-
Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Minh Thư	-	-	7.927.722.851	7.927.722.851
Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Hoàng Phúc	840.912.000	840.912.000	11.325.994.000	11.325.994.000
Công ty TNHH Công nghiệp Phú Thái	-	-	17.452.800.000	17.452.800.000
Các đối tượng khác	4.519.326.059	4.519.326.059	18.432.224.592	18.432.224.592
Cộng	13.464.745.414	13.464.745.414	58.467.396.988	58.467.396.988

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Đây là các khoản doanh thu chưa thực hiện về việc cho thuê mặt bằng, dịch vụ lưu kho, dịch vụ vận chuyển.

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	8.209.520
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	4.813.182	14.613.522
Các khoản tiền thế chân	2.600.933.360	2.468.570.830
Lãi dự trả	115.992.710	51.159.855
Cổ tức phải trả	554.499.690	408.972.949
Khoản nộp hộ thuế của hoạt động ủy thác	79.656.496	5.970.709.406
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.420.597.851	1.774.283.518
Cộng	<u>4.776.493.289</u>	<u>10.696.519.600</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân Đội	25.043.503.809	25.043.503.809	47.975.148.217	35.894.029.868	12.962.385.460	12.962.385.460
Cộng	25.043.503.809	25.043.503.809	47.975.148.217	35.894.029.868	12.962.385.460	12.962.385.460

- (i) Khoản vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất, phương pháp tính lãi, nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh, chi tiết theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo là các hợp đồng thế chấp với tài sản thế chấp là các khoản phải thu của một số hợp đồng mua bán, hợp đồng tiền gửi (xem các thuyết minh số 05 và thuyết minh số 07).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	18.000.000.000	23.545.008.788	197.116.026	(3.683.701.000)	38.058.423.814
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.287.866.917	2.287.866.917
Điều chỉnh quỹ Đầu tư phát triển	-	(3.753.349.934)	-	3.753.349.934	-
Số dư đầu năm nay	18.000.000.000	19.791.658.854	197.116.026	2.357.515.851	40.346.290.731
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	48.709.434	48.709.434
Thù lao BKS và HĐQT	-	-	-	(121.600.000)	(121.600.000)
Trích lập quỹ trong năm (i)	-	-	-	(274.500.000)	(274.500.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(1.890.000.000)	(1.890.000.000)
Số dư cuối năm nay	18.000.000.000	19.791.658.854	197.116.026	120.125.285	38.108.900.165

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông số 1054/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 quyết định trích:
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 274.500.000 VND
+ Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2024: 1.890.000.000 VND

Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức các năm trước cho cổ đông với tổng số tiền là 1.698.533.134 VND (Năm trước là 201.571.775 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ (USD)	2.338,42	2.360,13

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- Bộ phận kinh doanh hàng hóa: mua bán hàng hóa, thiết bị viễn thông;

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ: cho thuê tài sản cố định, kho, kios, giao nhận vận chuyển - ủy thác, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị, các dịch vụ khác.

Việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy Báo cáo tài chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.



11010307041211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

	Kinh doanh hàng hóa VND	Cung cấp dịch vụ VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	55.115.974.299	48.755.683.768	-	103.871.658.067
Tài sản không phân bổ	-	-	27.185.019.302	27.185.019.302
Tổng tài sản	55.115.974.299	48.755.683.768	27.185.019.302	131.056.677.369
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	29.775.587.305	28.840.588.986	-	58.616.176.291
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	32.094.210.347	32.094.210.347
Tổng nợ phải trả	29.775.587.305	28.840.588.986	32.094.210.347	90.710.386.638
	Kinh doanh hàng hóa VND	Cung cấp dịch vụ VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Năm trước				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	98.680.727.661	82.333.699.233	-	181.014.426.894
Giá vốn bộ phận	97.279.546.905	61.520.630.659	-	158.800.177.564
Chi phí bán hàng	2.779.125.726	2.646.645.455	6.005.308.194	11.431.079.375
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	6.774.653.356	6.774.653.356
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.377.944.970)	18.166.423.119	(12.779.961.550)	4.008.516.599
Doanh thu tài chính	-	-	515.634.312	515.634.312
Chi phí tài chính	-	-	731.305.005	731.305.005
Lãi (lỗ) khác	-	-	(765.247.269)	(765.247.269)
Lợi nhuận trước thuế	(1.377.944.970)	18.166.423.119	(13.760.879.512)	3.027.598.637
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	739.731.720	739.731.720
Lợi nhuận trong năm	(1.377.944.970)	18.166.423.119	(14.500.611.232)	2.287.866.917



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	50.191.168.752	99.178.567.661
Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.451.430.496	81.835.859.233
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	100.642.599.248	181.014.426.894
<i>Trong đó, doanh thu bán hàng với các Bên liên quan:</i>		
Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	11.245.168.416	-
Viễn thông Tây Ninh	9.855.336.218	1.227.186.182
Viễn thông Cà Mau	9.256.400.000	-
Trung tâm Hạ tầng mạng Miền Nam - Chi nhánh Tổng công ty Hạ tầng mạng	5.579.551.700	-
Viễn thông Đắk Lắk - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Chi nhánh Công ty TNHH)	3.514.716.188	3.687.710.000
Viễn thông Cần Thơ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Chi nhánh Công ty TNHH)	3.079.385.100	13.468.686.060
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	1.952.009.522	-
Viễn thông Hà Nội - Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	1.267.260.400	2.114.902.000
Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH) - Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh	26.520.000	11.580.414.000
Viễn thông Tiền Giang	24.900.000	6.170.040.000
Công ty TNHH Một thành viên Cáp quang	13.250.000	-
Viễn thông Quảng Ninh	8.100.000	-
Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông	7.500.000	15.000.000
Công ty Cổ phần Cokyvina	-	21.077.164.000
Công ty Công nghệ Thông tin VNPT - Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	-	7.969.279.226
Viễn thông Khánh Hòa	-	5.306.323.027
Viễn thông Long An - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Chi nhánh Công ty TNHH)	-	4.780.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị Viễn thông	-	3.008.200.000
Viễn thông Long An	-	1.585.360.000
Viễn thông Yên Bái	-	1.063.300.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	-	1.004.523.000
Viễn thông Đồng Tháp	-	6.950.000
Tổng công ty Hạ tầng mạng	-	-
Cộng	45.830.097.544	84.065.037.495
<i>Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ với các Bên liên quan:</i>		
Tổng công ty Hạ tầng mạng	9.469.255.667	19.497.272.124
Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH) - Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh	2.006.995.461	24.246.636.451
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	349.495.675	36.000.000
Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông	24.093.410	525.579.271
Viễn thông Đắk Lắk - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Chi nhánh Công ty TNHH)	-	140.642.000
Viễn thông Quảng Ninh	-	88.080.000
Viễn thông Tây Ninh	-	5.600.000
Cộng	11.849.840.213	44.539.809.846

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	46.901.821.546	97.279.546.905
Giá vốn cung cấp dịch vụ	35.601.235.458	61.520.630.659
Cộng	<u>82.503.057.004</u>	<u>158.800.177.564</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.816.821.546	96.426.383.525
Chi phí nhân công	8.195.333.311	13.174.825.378
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.427.700.445	2.964.191.947
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.870.363.635	44.610.579.163
Chi phí bảo hành	-	(13.475.000)
Chi phí khác	9.411.438.340	19.918.198.321
Cộng	<u>120.721.657.277</u>	<u>177.080.703.334</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	399.058.110	416.772.762
Lãi cho vay nội bộ	-	18.999.705
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	40.914.951
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.251.127	38.946.894
Cộng	<u>401.309.237</u>	<u>515.634.312</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	704.818.793	631.885.314
Chi phí lãi vay nội bộ	-	99.419.691
Cộng	<u>704.818.793</u>	<u>731.305.005</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	4.002.489.556	4.551.594.309
Chi phí khấu hao	2.329.239.006	2.722.158.342
Chi phí bảo hành	-	(13.475.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.354.639.421	2.004.391.269
Chi phí bằng tiền khác	1.811.956.210	2.166.410.455
Cộng	9.498.324.193	11.431.079.375
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	3.436.560.231	2.996.052.351
Chi phí khấu hao	98.461.439	169.325.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	378.347.466	253.270.273
Chi phí bằng tiền khác	3.520.681.451	3.356.005.465
Cộng	7.434.050.587	6.774.653.356

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính	558.169.194	256.056.245
Các khoản phạt vi phạm hợp đồng	48.139.533	300.016.041
Chi phí khác	100.615.636	225.192.297
Cộng	706.924.363	781.264.583

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	299.361.623	3.027.598.637
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	953.899.324	671.059.961
- Các khoản điều chỉnh tăng	956.021.506	717.893.883
+ Chi phí không được trừ	950.102.535	716.272.411
+ Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tỷ giá cuối năm trước	5.918.971	1.621.472
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.122.182)	(46.833.922)
+ Thu nhập không chịu thuế	-	(40.914.951)
+ Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tỷ giá cuối năm nay	(2.122.182)	(5.918.971)
Thu nhập chịu thuế	1.253.260.947	3.698.658.598
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	250.652.189	739.731.720

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thông thường với tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	48.709.434	2.287.866.917
Trừ: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(274.500.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	48.709.434	2.013.366.917
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.800.000	1.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.119

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay chưa được điều chỉnh do trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước đã được tính toán lại sau khi trừ khoản trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận để tính EPS theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Việc điều chỉnh này làm giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước từ 1.271 VND xuống còn 1.119 VND.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	25.043.503.809	12.962.385.460
Trừ: Tiền	4.564.335.074	11.374.162.882
Nợ thuần	20.479.168.735	1.588.222.578
Vốn chủ sở hữu	38.108.900.165	40.346.290.731
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	54%	4%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	4.564.335.074	11.374.162.882
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.816.381.777	100.724.567.624
Đầu tư tài chính dài hạn	2.058.000.000	2.058.000.000
Tổng cộng	54.438.716.851	114.156.730.506
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	25.043.503.809	12.962.385.460
Phải trả người bán và phải trả khác	17.565.933.121	68.680.960.742
Chi phí phải trả	5.749.700	129.876.449
Dự phòng phải trả ngắn hạn	18.298.500	18.298.500
Tổng cộng	42.633.485.130	81.791.521.151

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền	4.564.335.074	-	4.564.335.074
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.816.381.777	-	47.816.381.777
Đầu tư tài chính dài hạn	-	2.058.000.000	2.058.000.000
Tổng cộng	52.380.716.851	2.058.000.000	54.438.716.851
Số cuối năm			
Các khoản vay	25.043.503.809	-	25.043.503.809
Phải trả người bán và phải trả khác	17.565.933.121	-	17.565.933.121
Chi phí phải trả	5.749.700	-	5.749.700
Dự phòng phải trả ngắn hạn	18.298.500	-	18.298.500
Tổng cộng	42.633.485.130	-	42.633.485.130
Chênh lệch thanh khoản thuần	9.747.231.721	2.058.000.000	11.805.231.721
Số đầu năm			
Tiền	11.374.162.882	-	11.374.162.882
Phải thu khách hàng và phải thu khác	100.724.567.624	-	100.724.567.624
Đầu tư tài chính dài hạn	-	2.058.000.000	2.058.000.000
Tổng cộng	112.098.730.506	2.058.000.000	114.156.730.506
Số đầu năm			
Các khoản vay	12.962.385.460	-	12.962.385.460
Phải trả người bán và phải trả khác	68.680.960.742	-	68.680.960.742
Chi phí phải trả	129.876.449	-	129.876.449
Dự phòng phải trả ngắn hạn	18.298.500	-	18.298.500
Tổng cộng	81.791.521.151	-	81.791.521.151
Chênh lệch thanh khoản thuần	30.307.209.355	2.058.000.000	32.365.209.355

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư chủ yếu và các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan đã được trình bày tại Thuyết minh số 5, 8, 12, 14, 18 và 21, trong năm Công ty còn giao dịch sau với bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện - Chi nhánh miền Nam		
Mua hàng hóa	85.000.000	10.349.920.150
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung		
Mua hàng hóa	8.581.354.000	-
Công ty TNHH MTV Cấp quang		
Mua hàng hóa	146.050.000	310.400.000
Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông		
Mua hàng hóa	262.284.300	73.032.000
Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH) - Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh		
Mua hàng hóa	104.731.398	-
Công ty Cổ phần Cokyvina		
Mua hàng hóa	1.391.308.236	16.982.654.975

468

1 TY
HÀN
TU
KIỆT

Ô C

+ / 10 //

H

H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Ngô Xuân Trường	21.333.333	
Ông Phan Thắng	17.066.667	
Ông Hoàng Tùng Sơn	14.933.333	
Ông Trần Xuân Hòa	14.933.333	
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Phan Thắng	165.231.298	465.058.037
Ông Trần Xuân Hòa	287.889.248	326.428.743
Bà Lê Thanh Hương	373.345.167	327.928.743
Ông Trần Văn Tình	294.359.360	276.149.616
Ban kiểm soát		
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	14.933.333	
Ông Nguyễn Văn Tấn	8.533.333	
Ông Nguyễn Việt Long	8.533.333	



Lê Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Hiền
Kế toán trưởng / Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬT TƯ
BƯU ĐIỆN**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT TƯ BƯU ĐIỆN
DN: C=VN, L=270 Lý Thường Kiệt,
Phường Diên Hồng, TP Hồ Chí Minh,
Việt Nam,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0300464683, O=CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬT TƯ BƯU ĐIỆN, E=
thanhvnguyenduong@gmail.com, CN=
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BƯU
ĐIÊN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.03.31 19:46:49+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

